TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 104/2023/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 05 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 261/2023/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Trụ sở: phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc T – chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hoàng N – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh V (Theo quyết định ủy quyền số 2953/2022/QĐ-TGĐ ngày 11/11/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng T).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Hoàng N: Anh Lê Anh T – chức vụ chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân – PGD B HD Bank, địa chỉ: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2023).

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Hồng X, sinh năm 1963.

2. Bà Phạm Thị U, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1997

2/ Chị Nguyễn Thúy K, sinh nam 1991

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị U, anh Nguyễn Hoàng D, chị Nguyễn Thúy K: ông Nguyễn Hồng X là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2023).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Hồng X và bà Phạm Thị U có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T, Tính đến ngày 28/6/2023 số tiền vốn 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi 21.159.668đồng (Hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng). Tổng cộng vốn, lãi 221.159.668đồng (Hai trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng) và phải trả tiếp tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/6/2023 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 090/19PGDTBi/HĐTD ngày 13/6/2019, đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 090/19PGDTBi/HĐTD/KUNN 04 ngày 13/6/2022 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp ông Nguyễn Hồng X và bà Phạm Thị U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T thì ông Nguyễn Hồng X và bà Phạm Thị U có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 075/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 13/6/2019 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 89, tờ bản đồ số 32, diện tích 2825,6m2, ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 434583, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 05036 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 08/6/2012 do bà Phạm Thị U và ông Nguyễn Hồng X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0075/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 13/6/2019 để đảm bảo thu hồi nợ.

2.2. Ông Nguyễn Hồng X và bà Phạm Thị U có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T, Tính đến ngày 28/6/2023 số tiền vốn 220.000.000đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), lãi 19.083.178đồng (Mười chín triệu không trăm tám mươi ba ngàn một trăm bảy mươi tám đồng). Tổng cộng vốn, lãi 239.083.178đồng (hai trăm ba mươi chín triệu không trăm tám mươi ba ngàn một trăm bảy mươi tám

đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/6/2023 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0075/22PGDTBi/HĐTD ngày 25/8/2022, đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 0075/22PGDTBi/HĐTD/KUNN 01 ngày 26/8/2022 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp ông Nguyễn Hồng X và bà Phạm Thị U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T thì ông Nguyễn Hồng X, bà Phạm Thị U, anh Nguyễn Hoàng D, chị Nguyễn Thúy K có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 091/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 26/7/2019 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 385, tờ bản đồ số 32, diện tích 1224,1m^2, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 190322, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 10745 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/7/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 091/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 26/7/2019 cho hộ ông Nguyễn Hồng X và bà Phạm Thị U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Ông Nguyễn Hồng X và bà Phạm Thị U tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 11.204.856đồng (Mười một triệu hai trăm lẻ bốn ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng). Cụ thể ông Nguyễn Hồng X và bà Phạm Thị U mỗi người nộp ½ bằng 5.602.428đồng (Năm triệu sáu trăm lẻ hai ngàn bốn trăm hai mươi tám đồng), nhưng ông X thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn 50% án phí đối với phần ông X phải chịu là 2.801.214đồng (Hai triệu tám trăm lẻ một ngàn hai trăm mười bốn đồng), bà Phạm Thị U phải nộp 50% án phí theo quy định là 2.801.214đồng (Hai triệu tám trăm lẻ một ngàn hai trăm mười bốn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 11.205.000đồng (Mười một triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004267 ngày 12/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- CCTHADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thạch Thị Tuyền